

Bản án số: 02/2019/DS-ST
Ngày: 28-02-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Thanh Long

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Cum Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Q; Hội sở (cũ): tầng 1, 6 và 7 Tòa nhà C 16 đường P, phường P, quận H, TP. H. Hội sở (mới): Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2 Tòa nhà S, số 111A P, phường B, quận A, thành phố H1.

Đại diện theo pháp luật là ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Ái V1 – Chức vụ: Chuyên viên, Phòng xử lý nợ khách hàng cá nhân. Địa chỉ: số 87 đường D, phường 2, quận B, thành phố H1 – có mặt.

2/ *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1982; Trú tại: ấp N, xã N, huyện P, thành phố C – vắng mặt.

3/ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- 3.1/ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1954 – vắng mặt;
- 3.2/ Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1983 – vắng mặt;
- 3.3/ Anh Nguyễn Chí H1, sinh năm 1985 – vắng mặt;
- 3.4/ Anh Nguyễn Chí T1, sinh năm 1994 – vắng mặt;
- 3.5/ Nguyễn Thành C, sinh ngày 05/01/2001;
- 3.6/ Trang Thanh N, sinh ngày 19/6/2007;
- 3.7/ Trang Thị Trúc L, sinh ngày 29/4/2009.

Cùng trú tại: 290 ấp N, xã N, huyện P, thành phố C.

Đại diện hợp pháp cho C, N và L là chị Nguyễn Thị Thanh H – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30-5-2018, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Q và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị V1 trình bày:

Vào ngày 09-01-2016, Ngân hàng thương mại cổ phần Q (gọi tắt là Ngân hàng Q) ký hợp đồng tính dụng số 263-HĐTD.636.16 với chị Nguyễn Thị Diễm T, theo đó chị T vay của Ngân hàng với số tiền 500.000.000đ, mục đích vay để sửa chữa nhà. Thỏa thuận lãi suất cho vay 8,99%/ năm cố định trong 12 tháng đầu; từ năm thứ hai trở đi lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng (lãi cuối kỳ), cộng với 3,3%/ năm, lãi suất cho vay điều được điều chỉnh 03 tháng một lần; bất kỳ một khoản đến hạn mà chưa được bên vay thanh toán thì phải thanh toán ngay toàn bộ số nợ còn lại theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay. Lịch trả nợ gốc vào ngày 10 hàng tháng, chia thành 120 tháng; trong 119 tháng đầu kỳ đầu mỗi tháng trả 4.170.000đ, tháng cuối cùng trả 3.770.000đ; kỳ trả đầu tiên vào ngày 10-02-2016. Trả nợ lãi vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên vào ngày 10-02-2016.

Bên vay có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 263.HĐTC.636.15 ngày 09-01-2016 do bà Nguyễn Thị Đ đứng tên thế chấp. Tài sản thế chấp là 839 m², loại đất ONT và CLN, thửa số 1285, tờ bản đồ 8; đất tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện P, thành phố C; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01850 do UBND huyện P cấp ngày 28-12-2012 do bà Nguyễn Thị Đ đứng tên theo cước trú ngày 02-11-2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng, chị T có trả vốn được 12 kỳ, tính đến ngày 09-01-2017 tổng số tiền vốn trả được là 45.870.155đ và lãi đã thanh toán được 40.190.180đ. Đến hạn trả nợ kỳ tiếp theo là ngày 10-01-2017 nhưng chị T không trả vốn và lãi như theo thỏa thuận. Do đó, chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên Ngân hàng khởi kiện.

Tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 28-02-2019, chị T còn nợ tiền gốc là 454.129.845đ và nợ lãi là 135.975.375đ (trong đó lãi trong hạn là 91.746.913đ và lãi quá hạn 44.228.462đ). Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân

huyện Phong Điền buộc chị Nguyễn Thị Diễm T trả cho Ngân hàng Q tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 28-02-2019 tổng cộng là 590.105.220đ và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp, chị T không có khả năng trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Theo lời khai của bị đơn là chị Nguyễn Thị Diễm T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Về hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất như Đại diện nguyên đơn trình bày là đúng. Chị thừa nhận còn nợ vốn gốc của Ngân hàng Q số tiền 454.129.845đ và lãi tạm tính đến ngày 17/12/2018 là 123.557.384đ. Chị sẽ trả tất nợ cho Ngân hàng trong tháng 02/2019.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23-11-2018 thể hiện: Phần đất sản thế chấp diện tích 839 m², loại đất ONT và CLN, thửa số 1285, tờ bản đồ 8; đất tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện P, thành phố C trên đất có căn nhà của bà Nguyễn Thị Đ xây dựng, tổng diện tích nhà (1), (2), (3), (4) là 118,53m²; trên đất còn có cây trồng do bà Đ canh tác, sử dụng.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án đúng quy định pháp luật; Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Giữa Ngân hàng TMCP Q với chị Nguyễn Thị Diễm T có ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản theo đúng quy định pháp luật. Quá trình giải quyết chị T cũng có ý kiến và thừa nhận còn nợ vốn và lãi đến ngày 17-12-2018 như yêu cầu của nguyên đơn. Chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng có quyền khởi kiện. Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:*

Ngân hàng thương mại cổ phần Q (gọi tắt là Ngân hàng Q) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Diễm T trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, đây là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, do bị đơn có nơi

cur trú tại ấp N, xã N, huyện P, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu cho bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng bị đơn có mặt tham dự phiên họp ngày 18-12-2018, còn các lần triệu tập khác bị đơn vắng mặt không có lý do; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét về yêu cầu của nguyên đơn:*

Xét về hợp đồng tín dụng:

Ngân hàng Q với chị Nguyễn Thị Diễm T có ký hợp đồng tín dụng bằng văn bản số 263-HĐTD.636.16 ngày 09-01-2016, theo đó chị T vay của Ngân hàng với số tiền 500.000.000đ. Nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy chế cho vay theo quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001, Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-02-2005 của Ngân hàng Nhà nước và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010.

Theo hợp đồng thỏa thuận lịch trả nợ gốc và lãi vào ngày 10 hàng tháng; tuy nhiên, chị T trả nợ gốc được 11 kỳ và trả lãi được tổng số tiền 40.190.180đ. Đến kỳ thứ 12 (là ngày 10-01-2017) đến nay không trả vốn và lãi nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng; do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chấm dứt tín dụng là đúng quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010.

Xét về chứng cứ: Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng số 263-HĐTD.636.16 ngày 09-01-2016 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 263.HĐTC.636.15 ngày 09-01-2016, chị T đề nghị Ngân hàng cho giải ngân số tiền 500.000.000đ bằng tiền mặt thể hiện trên Khế ước nhận nợ số 263.KUNN.636.16 ngày 11-01-2016. Mặt khác, tại bản tự khai và phiên họp hòa giải ngày 18-12-2018 chị T cũng xác nhận còn nợ Ngân hàng Quốc Tế số tiền nợ gốc và nợ lãi như nguyên đơn yêu cầu tại thời điểm ngày 18-12-2018.

Xét về yêu cầu trả vốn gốc và lãi của nguyên đơn: Theo lịch sử trả nợ thể hiện bị đơn đã thanh toán vốn gốc cho nguyên đơn được 11 kỳ tính đến ngày 09-01-2017 với số tiền là 45.870.155đ nên vốn gốc còn lại theo hợp đồng là 454.129.845đ. Về lãi bị đơn đã thanh toán được 40.190.180đ, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (28/02/2019) tiền lãi tổng cộng là 176.165.555đ, trừ đi tiền lãi đã trả nên tiền lãi còn nợ 135.975.375đ là phù hợp.

Xét về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất:

Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 263.HĐTC.636.15 ngày 09-01-2016 được ký kết giữa Ngân hàng Q với bên thế chấp là bà Nguyễn Thị Đ thỏa thuận thế chấp diện tích đất 839 m², loại đất ONT và CLN, thửa số 1285, tờ bản đồ 8; đất tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện P, thành phố C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01850 do UBND huyện P cấp ngày 28-12-2012; Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại Điều 342, Điều 343, Điều 715 và khoản 2 Điều 717 Bộ luật dân sự 2005. Do đó, đây là tài sản đảm bảo của hợp đồng tín dụng. Vì vậy, khi chị T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo qui định tại Điều 355, Điều 721 Bộ luật dân sự 2005 và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, trên đất có nhà và cây cối của bà Nguyễn Thị Đ, theo đợp đồng có thỏa thuận tài sản thế chấp bao gồm đất và không giới hạn các vật phụ, hoa lợi, lợi tức, các quyền phát sinh từ tài sản thế chấp... Do đó, trường hợp có phát mãi phần đất thế chấp nêu trên cũng sẽ phát mãi kể cả nhà và cây cối trên đất.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với các tình tiết, chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ*: Nguyên đơn nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 3.000.000đ. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 3.000.000đ.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 27.604.000đ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150, khoản 1 Điều 157, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 319, 342, 343, 344, 351, 355, 715, 716, 717 và 721 Bộ luật dân sự 2005; Điều 167 và 188 Luật đất đai 2013; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 và Quyết định số

127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-02-2005 của Ngân hàng Nhà nước quy định về quy chế cho vay của Ngân hàng với khách hàng; Khoản 1, 2 Điều 91 và khoản 1, 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Buộc chị Nguyễn Thị Diễm T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q tổng số tiền 590.105.220đ (Năm trăm chín chục triệu một trăm lẻ năm ngàn hai trăm hai chục đồng), khi án có hiệu lực (Trong đó: Nợ gốc là 454.129.845đ và lãi tạm tính đến ngày 28/02/2019 là 135.975.375đ).

Kể từ ngày 01-3-2019, chị Nguyễn Thị Diễm T còn phải trả lãi quá hạn phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Nếu chị T không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất thế chấp để thu hồi nợ.

2/ Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chị Nguyễn Thị Diễm T phải chịu 3.000.000đ. Do nguyên đơn đã tạm ứng chi phí trước nên chị T phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

3/ Về án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Diễm T phải chịu 27.604.000 đồng (Hai mươi bảy triệu sáu trăm lẻ bốn ngàn đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần Q được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.396.000đ theo Biên lai số AB/2013/005500 ngày 06-9-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

4/ Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án đối với đương sự có mặt tại phiên tòa, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo.

5/ Trường hợp Bản án được thi hành: Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND. TP/ Cần Thơ;
- VKSND.H/ Phong Điền;
- Chi CTHADS H/ Phong Điền;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Lê Văn Lo